

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10- 6 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Hồng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khuru Liên Dung
2. Ông Thạch Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “*tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn Q**, sinh năm 1979;

ĐKHKTT: Số 3/99, khóm S, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Hằng N**, sinh năm 1982.

ĐKHKTT: Số 3/99, khóm S, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Số M, khóm N, phường N1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2021, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Đỗ Văn Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Hằng N tự nguyện tìm hiểu quen biết chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu ông và bà chung sống hạnh phúc, đến khoảng

đầu năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống riêng từ năm 2006 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên ông Q xin ly hôn với bà N.

Về nuôi con chung: Ông Q xác định quá trình chung sống ông và bà N có 02 con chung là cháu Đỗ Tấn P, sinh ngày 11/01/2004 và cháu Đỗ Tấn L, sinh ngày 01/05/2006. Khi ly hôn ông Q yêu cầu nuôi dưỡng cháu L và cháu P, không yêu cầu bà N cấp dưỡng, hiện cả hai cháu đang sống chung với ông Q.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Lê Thị Hằng N đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt do đó Tòa án không ghi nhận ý kiến được.*

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, lấy ý kiến của cháu Đỗ Tấn P và cháu Đỗ Tấn L và cả hai cháu đều có nguyện vọng sống chung với ông Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai nên tòa án căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: ông Q và bà N chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà N. Về con chung: Giao cả hai con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Q không có yêu cầu. Đối với tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đỗ Văn Q yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Hằng N, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Lê Thị Hằng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số Số 3/99, khóm S, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và chỗ ở hiện nay: Số M, khóm N, phường N1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Đỗ Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Hằng N đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên Tòa án căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Q xác định ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà N không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Đỗ Văn Q và bà Lê Thị Hằng N là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Ông Q xác định ông và bà N có 02 con chung là cháu Đỗ Tấn P, sinh ngày 11/01/2004 và cháu Đỗ Tấn L, sinh ngày 01/05/2006, khi ly hôn ông Q yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu do các cháu đang sống với ông và không yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, các cháu P và L đã sống chung ổn định với ông Q trong thời gian ông Q và bà N ly thân nên để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, giao 02 cháu cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng; việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Bà Lê Thị Hằng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Q không yêu cầu. Bà N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Ông Q xác định ông và bà N không có tài sản chung, không có nợ chung và không ai nợ ông bà, bà N không có ý kiến khác về vấn đề này nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa.

[7] Về án phí: Ông Đỗ Văn Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đỗ Văn Q và bà Lê Thị Hằng N là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao cháu Đỗ Tấn P, sinh ngày 11/01/2004 và cháu Đỗ Tấn L, sinh ngày 01/05/2006 cho ông Đỗ Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (cả hai cháu đang sống cùng ông Q được giữ nguyên); Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Q không yêu cầu. Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Ông Đỗ Văn Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Q đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011801 ngày 25/01/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, ông Đỗ Văn Q và bà Lê Thị Hằng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Nêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- UBND phường 5, tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Trinh

